BSC

Thứ tư, ngày 12 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Tiếp tục tăng điểm

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/2/2020		•	
Tuần 10/2-14/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục ghi nhận nhịp hồi phục tích cực trong phiên giao dịch hôm nay. Tăng trong cả phiên sáng và chiều, chỉ số được hỗ trợ chủ yếu bởi các cổ phiếu ngành Ngân hàng như VPB, TCB, MBB, ACB và các cổ phiếu vốn hóa lớn như GAS, HPG. Thanh khoản tăng mạnh phần nào cho thấy tâm lí nhà đầu tư đã quay trở lại trạng thái tích cực hơn. Thông tin Nghị viện Châu Âu (EP) sẽ bỏ phiếu thông qua hai hiệp định quan trọng đối với thương mại Việt Nam là EVFTA và EVIPA trong hôm nay được xem là tín hiệu tích cực giúp nâng đỡ thị trường. Một số ngành được hưởng lợi theo đánh giá trước đây của BSC bao gồm Dệt may, Thủy sản, và Cảng biển. Nhà đầu tư có thể xem lại báo cáo tại **đây.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.
Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng_ 2.7%. 19/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng 2.7%, con số này của VNINDEX là 0.3%.

Phân tích kỹ thuật: POW_Cầu bắt đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

• VN-Index +3.01 điểm, đóng cửa 937.68. HNX-Index +3.73 điểm, đóng cửa 108.51.
• Kéo chỉ số tăng: TCB (+0.52); POW (+0.50); MWG (+0.34); VPB (+0.32); MBB (+0.31).
• Kéo chỉ số giảm: VIC (-1.35); CTG (-0.58); SAB (-0.55); VRE (-0.09); BVH (-0.06).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,202 tỷ đồng, +17% so với phiên hôm trước.
• Biên độ dao động là 4.49 điểm. Thị trường có 242 mã tăng, 57 mã tham chiếu và 107 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: 47.23 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm KBC (14.69 tỷ), MSN (13.54 tỷ) và VNM (10.70 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 4.88 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Đặng Hà My
mydh@bsc.com.vn
Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest
Lương Minh Hiển
hienlm@bsc.com.vn
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **937.68**
Giá trị: 3202.84 tỷ 3.01 (0.32%)
Khối ngoại (ròng): -47.23 tỷ

HNX-INDEX **108.51**
Giá trị: 553.8 tỷ 3.73 (3.56%)
Khối ngoại (ròng): -4.88 tỷ

UPCOM-INDEX **55.91**
Giá trị: 0.32 tỷ 0.24 (0.43%)
Khối ngoại (ròng): -1.8 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	50.8	1.68%
Giá vàng	1,564	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,242	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,363	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,105	-0.31%
LS liên NH 1 tháng	3.1%	7.10%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-7.05%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFVN30	27.4	KBC	14.7
HPG	13.7	MSN	13.5
PLX	5.6	VNM	10.7
VHM	5.1	VIC	10.3
NT2	4.3	PC1	9.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Sử dụng i-Invest tại đây Link ***Hướng dẫn sử dụng*** Link
Bản công bố rủi ro Link ***Video giới thiệu danh mục Chủ đề*** Link

* **19/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.7%**, con số này của VNINDEX là 0.3%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **18/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_2.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	**2.7%**	9.5%	-1.6%	-14.3%	-15.7%	-19.7%	3.3%	18.3%
Lãi suất giảm	**2.4%**	7.5%	2.1%	-4.5%	-3.8%	0.9%	51.4%	18.0%
Nước & Năng lượng	**2.4%**	6.4%	-4.6%	-10.4%	-8.3%	-4.1%	36.2%	14.5%
Chiến tranh thương mại	**2.0%**	3.9%	-4.6%	-8.8%	-16.5%	-4.4%	3.9%	15.5%
Ngân hàng	**1.9%**	3.1%	8.9%	4.5%	21.0%	26.9%	85.5%	21.8%
VN Diamond	**1.6%**	3.8%	0.7%	-6.0%	5.9%	15.2%	62.9%	17.1%
Dầu khí	**1.5%**	4.7%	-10.0%	-16.7%	-16.9%	-5.9%	8.4%	22.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	**1.4%**	2.0%	0.7%	-3.4%	6.8%	30.3%	100.1%	19.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	**1.4%**	3.6%	-0.9%	-7.2%	3.6%	13.5%	65.5%	17.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	**1.4%**	3.9%	-1.0%	-0.1%	-3.9%	7.1%	41.0%	14.5%
BĐS & Khu công nghiệp	**1.4%**	4.8%	-3.7%	-9.4%	-6.8%	1.2%	48.0%	16.4%
Hàng tiêu dùng	**1.3%**	2.6%	-4.6%	-14.5%	-12.6%	-3.4%	43.1%	17.5%
VN FinSelect	**1.2%**	3.7%	6.6%	-0.4%	12.7%	9.8%	39.3%	17.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	**1.1%**	3.9%	8.3%	1.5%	16.0%	14.2%	47.4%	19.4%
Vật liệu Xây dựng	**1.1%**	0.0%	-1.8%	-7.5%	-4.1%	7.0%	3.3%	18.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	**1.1%**	2.3%	-2.3%	-7.9%	-0.1%	10.9%	57.6%	15.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	**1.1%**	2.8%	-5.1%	-12.6%	-14.0%	-11.4%	33.1%	21.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	**0.6%**	2.4%	-1.4%	-10.3%	-2.4%	1.7%	47.9%	14.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	**0.2%**	1.1%	-4.0%	-10.7%	-5.6%	3.0%	68.3%	13.8%
FTSE Việt Nam	**-0.2%**	0.4%	-3.9%	-10.0%	-4.5%	4.5%	78.7%	14.9%
Ngành Dược	**-0.2%**	2.1%	9.0%	3.3%	8.1%	14.6%	45.7%	17.6%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	**2.3%**	4.8%	-0.6%	-8.7%	0.7%	11.0%	70.1%	20.1%
Danh mục 12	**1.9%**	2.8%	-4.1%	-7.9%	0.0%	17.4%	58.7%	16.9%
Danh mục 5	**1.7%**	2.1%	-5.0%	-8.1%	-6.0%	5.6%	60.8%	18.6%
Danh mục 9	**0.8%**	1.9%	-2.1%	-4.7%	6.6%	20.5%	80.0%	17.5%
Danh mục 11	**0.7%**	3.8%	2.8%	-4.3%	3.8%	16.4%	53.3%	19.0%
*** Note**	**18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	**1.9%**	3.3%	0.1%	-5.2%	3.1%	19.3%	58.0%	19.2%
Danh mục 23	**1.7%**	2.7%	-2.2%	-8.6%	-0.8%	8.6%	42.8%	16.8%
Danh mục 22	**1.2%**	3.0%	-1.9%	-6.0%	3.0%	28.0%	66.3%	16.7%
Danh mục 19	**1.0%**	2.4%	-2.9%	-6.8%	0.8%	15.2%	53.6%	15.3%
Danh mục 25	**0.9%**	2.7%	-2.8%	-7.0%	-0.3%	23.2%	99.0%	16.8%
*** Note**	**7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**							
INDEX								
VNINDEX	**0.3%**	**1.3%**	**-2.2%**	**-8.4%**	**-3.8%**	**3.2%**	**34.5%**	15.4%
VN30INDEX	**0.8%**	**2.1%**	**-1.5%**	**-8.6%**	**-1.8%**	**0.4%**	**33.9%**	15.8%

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**
***Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.**

BSC RESEARCH
2/12/2020
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday

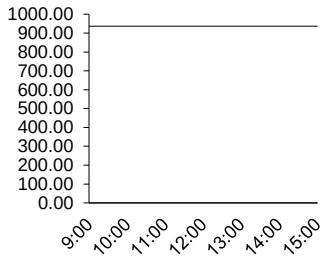

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday

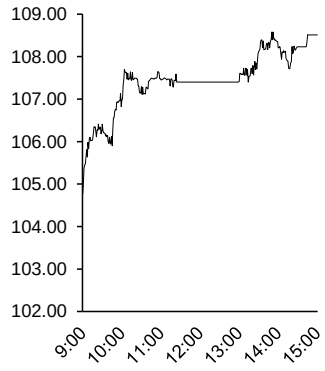

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	2.4%
Viễn thông	2.1%
Bán lẻ	2.1%
Dịch vụ tài chính	2.1%
Hóa chất	1.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.2%
Xây dựng và Vật liệu	1.1%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.1%
Du lịch và Giải trí	0.9%
Công nghệ Thông tin	0.8%
Ngân hàng	0.7%
Ô tô và phụ tùng	0.6%
Dầu khí	0.5%
Y tế	0.3%
Bảo hiểm	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.0%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Bất động sản	-0.3%

Nguồn: FiinPro

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

POW_Cầu bắt đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần nhưng chưa vượt qua giá trị 50.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: POW đang có sự hồi phục trở lại sau khi đã giảm giá kéo dài trong gần 1 năm nay từ vùng giá 17.5 về mức đáy lịch sử tại ngưỡng 9.5. Hôm nay, lực cầu bắt đáy đã đẩy giá cổ phiếu tăng 7% để chốt phiên ở mức giá trần. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết vẫn ở trong trạng thái tiêu cực. Tuy vậy, chỉ báo MACD vừa xuất hiện Golden Cross cho thấy đây có thể là sự khởi đầu cho một giai đoạn khởi sắc hơn. Bên cạnh đó, chỉ báo RSI cũng đang tăng dần dù chưa vượt qua giá trị 50 nhưng đây cũng là một dấu hiệu khá tốt. Mặt khác, đường EMA12 vẫn đang ở dưới EMA26 nên có thể đà phục hồi này sẽ không duy trì được lâu. Theo đánh giá của chúng tôi, POW tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại vùng giá 11.5-12 và sau đó tích lũy đi ngang tại vùng này trước khi thiết lập một xu hướng đủ mạnh trong tương lai.

Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục	Link	**FPT_ Xu hướng hồi phục**	Link
VPB_ Hồi phục	Link		
HPG_Tăng giá	Link		
NVL_ Tăng giá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 12/2/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 12/2	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	50.45	1.02%	-0.59%	-14.48%	-9.59%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	54.84	1.54%	-0.80%	-13.61%	-16.49%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	153.00	1.04%	2.94%	-8.27%	2.30%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1567.45	-0.03%	0.73%	1.26%	18.07%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.62	-0.16%	0.04%	-1.90%	10.82%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	884.50	-0.03%	0.51%	-6.50%	-9.28%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	539.75	-0.42%	-3.96%	-4.38%	-2.66%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.24	17.00%	106.00%	-0.40%	8.84%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	180.20	175.00%	315.00%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.04	2.04%	3.80%	9.30%	7.97%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	102.55	0.44%	2.19%	-14.33%	-13.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5745.00	1.38%	2.26%	-7.31%	-5.91%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3410.00	0.53%	3.36%	-3.98%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1734.00	1.88%	2.85%	-3.99%	-6.82%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	615.00	2.41%	5.22%	-7.25%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.50	2.55%	1.15%	-7.72%	-22.82%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent dầu thô Brent tăng 74 US cent hay 1.4% lên 54,01 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI tăng 37 US cent hay 0.8% lên 49.94 USD/thùng. Dầu tăng khoảng 1% từ mức thấp nhất trong 13 tháng do số lượng người nhiễm virus corona mới ở Trung Quốc chậm lại, làm giảm bớt lo ngại về khả năng hủy hoại nhu cầu dầu kéo dài.

• Giá dầu cũng được thúc đẩy từ sự gia tăng tại các thị trường chứng khoán toàn cầu. Nhưng đà tăng của dầu bị hạn chế sau khi Viện Dầu mỏ Mỹ cho thấy tồn trữ dầu thô của Mỹ tăng lớn hơn dự kiến, tăng 6 triệu thùng trong tuần trước so với dự đoán tăng chỉ 3 triệu thùng.

Giá vàng

• Vàng giao ngay giảm 0.3% xuống 1,567.26 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 0.6% xuống 1,570.1 USD.

• Giá vàng giảm do USD cao nhất trong 4 tháng và nhà đầu tư chọn các tài sản rủi ro hơn, sau khi số lượng người nhiễm virus corona mới giảm tại Trung Quốc làm dịu đi lo ngại về tác động tới kinh tế toàn cầu. Với dự đoán rủi ro từ virus đang giảm, khả năng tác động tới nền kinh tế Trung Quốc và ở mức độ nào đó tới kinh tế thế giới có thể chỉ là tạm thời.

Cổ phiếu Châu Âu lên cao kỷ lục, trong khi thị trường chứng khoán Châu Á cùng Phố Wall cũng tăng do số lượng người nhiễm virus mới chậm lại tại Trung Quốc và các nhà máy trở lại hoạt động.

Hạn chế nhu cầu vàng là USD đạt mức cao nhất trong 4 tháng so với rổ các đồng tiền chủ chốt và Chủ tịch Cục dự trữ Liên bang Jerome Powell có quan điểm lạc quan về nền kinh tế Mỹ. Ngân hàng trung ương nước này đã giữ lãi suất cơ bản không đổi tại cuộc họp chính sách trong tháng 1 khi tăng trưởng kinh tế vừa phải và thị trường việc làm mạnh mẽ.

Giá sắt thép

• Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất trên sàn giao dịch Đại Liên tăng 4.4% lên 605.50 CNY (86.8 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 2.7%, thép cuộn cán nóng tăng 2.2%.

• Giá sản phẩm thép và nguyên liệu thô tăng. Quặng sắt có ngày tăng mạnh nhất trong 7 tháng do tâm lý ổn định hơn bởi số lượng ca nhiễm virus corona mới giảm.

Giá nông sản

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 0.05 US cent hay 0.3% lên 15.09 US cent/lb. Đường trắng giao cùng kỳ hạn tăng 2.0 USD hay 0.5% lên 431.9 USD/tấn sau khi tăng lên mức cao nhất 2.5 năm tại 433.4 USD.

• Hạn hán nghiêm trọng đã làm giảm sản lượng tại Thái Lan, nhà xuất khẩu đường lớn thứ 2 thế giới. Giám đốc điều hành ngành đường cho biết sản lượng của Thái Lan có thể xuống khoảng 8 tới 9 triệu tấn trong niên vụ 2019/20.

• Sản lượng yếu tại Thái Lan và Ấn Độ làm sản lượng toàn cầu giảm trong niên vụ hiện tại 2019/20 và dự báo sẽ thiếu hụt toàn cầu. Dự kiến niên vụ tới 2020/21 sẽ thiếu hụt năm thứ 2 liên tiếp, mặc dù quy mô thiếu hụt giảm do sản lượng phục hồi, theo công ty dịch vụ nghiên cứu Tropical.

• Cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2020 tăng 0.5 US cent hay 0.5% lên 1.0260 USD/lb. Cà phê Robusta kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 1 USD hay 0.1% xuống 1,284 USD/tấn.

BSC

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4
VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday

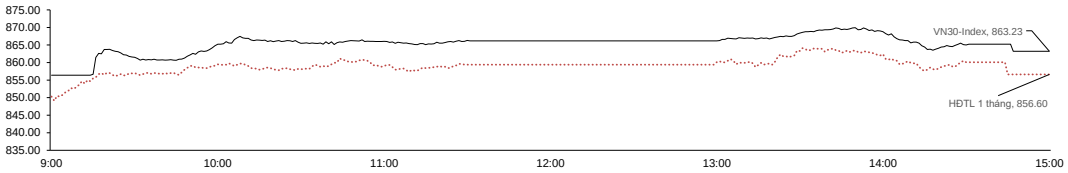

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	856.60	0.74%	-6.63	24.0%	128526	2/20/2020	10
VN30F2003	858.30	1.02%	-4.93	-6.6%	452	3/19/2020	38
VN30F2006	862.00	0.58%	-1.23	86.1%	67	6/18/2020	129
VN30F2009	865.50	0.83%	2.27	-57.3%	35	9/17/2020	220

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	22.65	2.26	1.55
VPB	25.85	1.77	1.05
MWG	109.00	2.35	1.01
MBB	21.65	2.12	0.86
STB	11.55	1.76	0.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	112.0	-1.23	-0.88
SAB	191.0	-1.55	-0.29
CTG	27.2	-1.98	-0.25
EIB	17.5	-0.57	-0.14
VRE	31.3	-0.48	-0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 6.84 điểm lên mức 863.23 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, MWG, MBB, và STB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 dành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay tăng tích cực lên gần 870 điểm, sau đó điều chỉnh giảm về cuối phiên, xuống dưới 865 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tích lũy quanh vùng 850-860 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2002, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB1901	VND	3/5/2020	22	1:1	128,160	-10.8%	2.0 triệu	24.60%	3,500	8,240	17.71%	8,251.50	1.00
CMBB1903	SSI	4/22/2020	70	1:1	20,050	72.7%	3.0 triệu	20.43%	4,000	1,680	16.67%	702.20	2.39
CTCB1902	VND	6/5/2020	114	1:1	46,150	18.3%	2.0 triệu	23.06%	5,300	3,280	15.09%	2,202.50	1.49
CVPB2001	HSC	6/22/2020	131	2:1	38,970	-52.6%	5.0 triệu	24.60%	1,500	3,740	13.33%	3,285.30	1.14
CSTB2001	KIS	6/19/2020	128	3:1	101,810	62.1%	5.0 triệu	21.87%	1,500	1,950	12.07%	1,052.10	1.85
CFPT1905	SSI	4/22/2020	70	3:1	76,750	-21.1%	1.0 triệu	22.53%	9,900	3,700	10.12%	1,798.30	2.06
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	56	2:1	51,610	-27.4%	2.0 triệu	24.60%	1,000	3,060	9.29%	3,024.80	1.01
CMWG2002	MBS	4/24/2020	72	10:1	430,180	1203.6%	2.0 triệu	23.38%	1,950	1,390	8.59%	611.60	2.27
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	72	5:1	447,290	159.9%	2.0 triệu	22.01%	2,200	1,480	8.03%	602.10	2.46
CREE1905	MBS	6/17/2020	126	3:1	258,850	-20.4%	2.4 triệu	23.74%	2,150	1,450	7.41%	463.80	3.13
CFPT1908	MBS	6/17/2020	126	3:1	166,870	-4.5%	2.4 triệu	22.53%	3,150	2,140	5.42%	1,057.70	2.02
CHPG1909	KIS	5/15/2020	93	2:1	234,450	-50.1%	5.0 triệu	26.71%	1,800	1,060	3.92%	570.90	1.86
CHDB2001	KIS	6/19/2020	128	3:1	83,200	158.9%	5.0 triệu	23.43%	2,000	2,320	3.11%	2,086.30	1.11
CVHM1902	SSI	4/22/2020	70	1:1	12,760	-75.9%	1.0 triệu	21.86%	18,600	8,500	2.91%	4,456.70	1.91
CHPG1907	SSI	4/22/2020	70	3:1	86,740	109.1%	1.0 triệu	26.71%	4,200	4,050	2.02%	3,376.20	1.20
CHPG2001	HSC	6/30/2020	139	2:1	78,040	-55.7%	5.0 triệu	26.71%	1,800	1,590	1.92%	907.80	1.75
CVRE2001	KIS	9/21/2020	222	4:1	103,690	187.9%	8.0 triệu	25.36%	1,500	1,060	1.92%	273.10	3.88
CHDB2002	MBS	4/10/2020	58	2:1	198,120	67.5%	1.5 triệu	23.43%	1,950	2,230	0.45%	1,891.60	1.18
CMSN1902	KIS	5/15/2020	93	5:1	448,460	75.4%	2.0 triệu	26.73%	1,640	230	-4.17%	2.10	109.52
CVJC1901	KIS	2/26/2020	14	10:1	100,850	329.0%	5.0 triệu	18.24%	1,800	80	-20.00%	0.20	400.00
CGMD1901	MBS	4/28/2020	76	3:1	56,670	928.5%	1.5 triệu	21.45%	1,680	140	-30.00%	1.20	116.67
		Tổng:			**3,169,670**		**63.80 triệu**	**23.52%****					

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB1901	21,500	18,000	25,850
CMBB1903	26,000	22,000	21,650
CTCB1902	26,300	21,000	22,650
CVPB2001	23,000	20,000	25,850
CSTB2001	12,499	10,999	11,550
CFPT1905	64,900	55,000	54,100
CVPB2002	22,300	20,300	25,850
CMWG2002	129,500	110,000	109,000
CPNJ2001	94,500	83,500	82,500
CREE1905	41,050	34,600	34,750
CFPT1908	63,450	54,000	54,100
CHPG1909	28,280	24,680	23,800
CHDB2001	33,099	29,099	29,200
CVHM1902	103,600	85,000	86,500
CHPG1907	25,200	21,000	23,800
CHPG2001	27,600	24,000	23,800
CVRE2001	42,789	36,789	31,250
CHDB2002	29,900	26,000	29,200
CMSN1902	86,089	77,889	50,500
CVJC1901	163,678	145,678	129,200
CGMD1901	29,682	24,928	19,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất***
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
*****Trung bình độ lệch chuẩn***
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 12/2/2019, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

• Về giá, CVPB1901 và CMBB1903 tăng mạnh lần lượt là 17.71% và 16.67%. Thanh khoản thị trường giảm -5.44%. CMSN1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.81% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG, VHM và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	109.0	2.3%	0.7	2,148	2.7	8,655	12.6	4.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.5	1.2%	1.2	808	2.2	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	57.5	-0.5%	1.3	1,856	0.5	1,632	35.2	2.2	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	-0.6%	0.7	322	0.1	2,859	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	112.0	-1.2%	0.9	16,471	2.2	2,268	49.4	5.0	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	31.3	-0.5%	1.1	3,087	1.3	1,253	24.9	2.6	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.4	0.4%	0.8	2,293	1.1	3,563	15.3	2.4	6.8%	16.3%
REE	Bất động sản	34.8	1.5%	1.0	468	1.2	5,286	6.6	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.8	1.2%	1.6	291	1.2	2,849	4.5	1.0	43.5%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.8	2.0%	1.4	401	2.1	1,708	10.4	0.9	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	27.4	3.2%	1.0	195	0.1	4,218	6.5	1.1	35.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.0	2.7%	1.8	252	1.2	1,421	13.3	1.3	55.5%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.1	0.9%	0.9	1,595	2.6	4,225	12.8	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	44.7	6.4%	0.4	483	0.0	4,156	10.8	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	86.0	0.5%	1.5	7,157	0.7	6,096	14.1	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	52.9	0.2%	1.5	2,739	1.5	3,495	15.1	2.7	13.3%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.5	1.9%	1.4	343	1.7	1,529	10.8	0.6	21.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.8	2.6%	0.8	1,051	0.5	1,163	6.7	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	99.5	0.5%	0.5	566	0.2	4,668	21.3	3.9	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.1	3.0%	0.7	205	0.2	902	13.4	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.1	2.2%	0.6	139	0.1	683	8.9	0.5	2.2%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.4	0.2%	1.3	14,416	2.4	5,004	17.9	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	50.8	0.0%	1.7	8,883	1.6	2,398	21.2	2.7	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	27.2	-2.0%	1.6	4,403	12.7	2,541	10.7	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	25.9	1.8%	1.2	2,740	7.0	3,370	7.7	1.5	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.7	2.1%	1.1	2,209	10.3	3,480	6.2	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	25.6	8.0%	1.2	1,844	11.4	3,686	6.9	1.5	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.3	1.7%	0.8	147	0.4	5,165	8.0	1.3	80.6%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	0.0%	0.3	124	0.1	4,167	7.0	1.1	20.1%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	1.1	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.8	0.8%	1.0	2,857	9.9	2,581	9.2	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	7.9	0.5%	1.8	145	1.8	1,161	6.8	0.6	18.4%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	107.2	0.0%	0.8	8,116	3.9	5,478	19.6	6.8	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	191.0	-1.5%	0.8	5,325	0.5	7,477	25.5	6.5	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.5	1.2%	1.2	2,567	1.8	4,772	10.6	1.4	38.9%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	19.8	6.8%	0.4	504	1.0	508	38.9	1.6	6.4%	3.5%
ACV	Vận tải	59.9	3.3%	0.8	5,670	0.3	2,630	22.8	4.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	129.2	0.2%	1.1	2,943	2.1	7,889	16.4	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	27.9	2.6%	1.7	1,720	0.9	1,640	17.0	2.2	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	19.2	0.3%	0.9	247	0.2	1,595	12.0	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.6	1.1%	0.5	166	0.3	2,421	5.6	0.9	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.1	0.6%	1.1	509	0.8	8,824	8.3	3.4	2.3%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.6	0.6%	0.7	343	0.1	1,454	12.1	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	0.0%	0.8	238	0.1	1,953	7.3	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	65.0	3.2%	0.9	216	1.2	8,858	7.3	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	1.0	482	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.9	0.2%	0.4	258	0.3	1,750	13.7	1.1	50.9%	8.8%
POW	Điện	10.6	7.0%	0.6	1,074	1.4	1,064	9.9	0.9	13.2%	9.7%
NT2	Điện	21.2	1.4%	0.5	265	0.4	2,577	8.2	1.5	18.6%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	22.65	2.26	0.51	3.16MLN
POW	10.55	7.00	0.47	3.05MLN
MWG	109.00	2.35	0.33	569230.00
VPB	25.85	1.77	0.32	6.17MLN
MBB	21.65	2.12	0.31	10.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	25.60	8.02	3.06	10.51MLN
SHB	7.30	1.39	0.13	8.98MLN
PVS	16.50	1.85	0.07	2.33MLN
TNG	16.20	6.58	0.04	1.46MLN
NVB	9.10	1.11	0.04	2.98MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.37	452790.00	1.11MLN
CTG	0.00	-0.60	10.39MLN	607060.00
SAB	0.00	-0.56	57410.00	373600.00
VRE	0.00	-0.10	982950.00	192700.00
BVH	0.00	-0.07	192330.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIF	18.00	-9.55	-0.07	1000.00
PVX	0.90	-10.00	-0.02	551600.00
PGS	26.00	-1.89	-0.02	1100.00
VGP	20.70	-9.61	-0.02	1400.00
SJ1	22.20	-7.88	-0.01	9600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	42.80	7.00	0.16	20.00
POW	10.55	7.00	0.47	3.05MLN
HCD	2.60	7.00	0.00	924570.00
YEG	42.90	6.98	0.03	3080.00
LSS	5.07	6.96	0.01	69300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	1.00	11.1	0.00	11500.00
DZM	2.20	10.0	0.00	10000.00
VDL	22.00	10.0	0.00	100.00
VNR	19.80	10.0	0.04	1700.00
DNM	15.60	9.9	0.00	35200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	12.10	-6.92	0.00	10.00
CCI	12.80	-6.91	-0.01	310.00
TDW	25.75	-6.87	-0.01	20.00
PJT	11.65	-6.80	0.00	160.00
SII	15.20	-6.75	-0.02	160.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	57900.00
PVX	0.90	-10.00	-0.02	551600.00
TKU	14.70	-9.82	0.00	100.00
VGP	20.70	-9.61	-0.02	1400.00
PCG	12.30	-9.56	-0.01	10000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

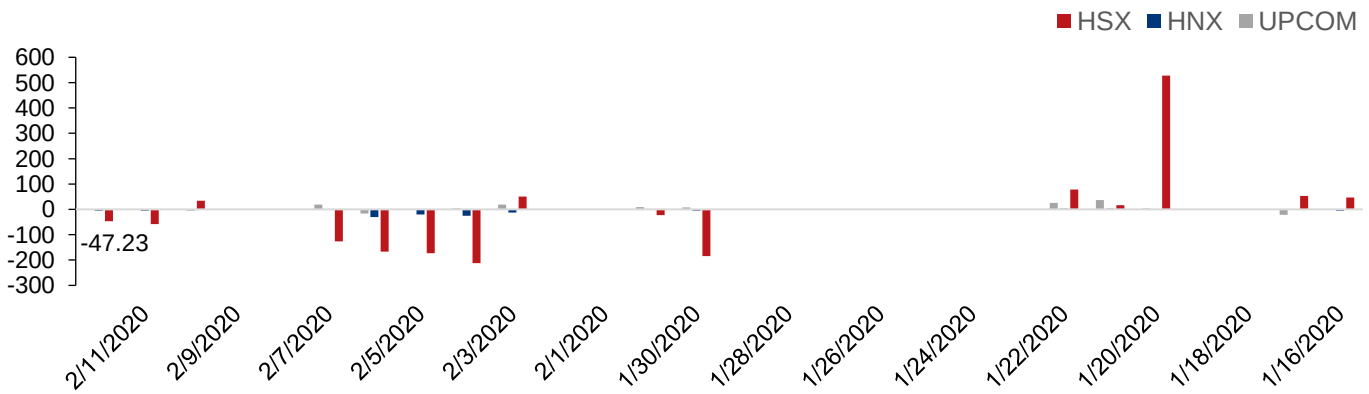

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	99.5	4,668	21.3	3.9	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	29.1	5,020	5.8	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.5	5,327	15.5	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.6	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	168.3	29,035	5.8	4.6	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.6	0	38.7	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	109.0	8,655	12.6	4.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	25.6	3,686	6.9	1.5	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.4	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.7	2,881	7.9	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.4	5,004	17.9	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	27.7	7,028	3.9	1.5	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	54.1	4,225	12.8	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	27.1	3,897	7.0	1.2	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.7	2,236	7.0	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.4	2,846	10.3	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.5	4,772	10.6	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	107.2	5,478	19.6	6.8	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.1	3,700	5.7	1.3	Click

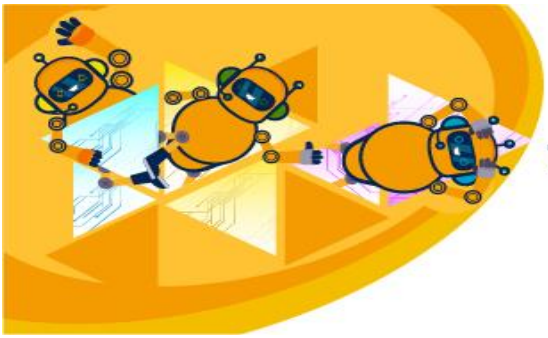

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây Link
Bản công bố rủi ro Link
Hướng dẫn sử dụng Link
Video hướng dẫn sử dụng Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish **15000** Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền -> nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **60500** BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị **NẮM GIỮ**; Giá mục tiêu **19500;** Giá tại Publish **16700** Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá tại Publish **40100** Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **26514;** Giá tại Publish **19300** Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với KHTC mời liên lạc:	***Chức vụ***	***Địa chỉ email***
Vũ Thanh Phong	Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC	phongvt@bsc.com.vn
Trần Thành Hưng	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	hungtt@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Dương	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	duongnh@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Nguyên	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	nguyennh@bsc.com.vn